

## KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

### QUYỂN 4

#### Phẩm 35: DỤ ÁI DỤC

##### Thí dụ 62:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong thành có một vị trưởng giả Bà-la-môn rất giàu có, song lại là người keo kiệt tham lam không thích bố thí.

Mỗi khi ăn, ông cho người đóng kín cửa, không tiếp khách. Vì vậy, ăn xin, Sa-môn, Bà-la-môn đều đến không gặp được.

Một hôm, trưởng giả thèm ăn ngon, sai vợ làm một bữa thịnh soạn. Bà vợ liền giết một con gà béo, ướp gừng tiêu gia vị rồi đem quay. Các món ăn uống, bánh trái chẳng mấy chốc cũng chuẩn bị xong, được dọn ra đầy bàn.

Ông lệnh cho đóng kín cửa lại, hai vợ chồng và đứa con nhỏ ngồi ăn uống với nhau. Hai ông bà thay phiên xé thịt gà đút cho con ăn không ngừng.

Đức Phật biết vị trưởng giả này có túc phước, có thể độ được, bèn hóa ra một vị Sa-môn ngồi cạnh lúc họ ăn cơm, trước bàn ăn của họ Ngài chú nguyện rồi lại nói:

– Xin các vị hãy bố thí cho ít nhiều, nhờ đó mà được phước lớn.

Vị trưởng giả ngẩng đầu lên ngó thấy hóa Sa-môn liền mắng:

– Ông là tu sĩ mà không biết hổ thẹn, nhà người ta đang ăn uống sao lại đường đột xông vào?

Hóa Sa-môn đáp:

– Ông mới thật ngu si không biết hổ thẹn. Tôi nay là khát sĩ có gì phải hổ thẹn?

Trưởng giả vặn:

– Tôi và vợ con ăn uống vui vẻ với nhau có gì mà hổ thẹn?

Sa-môn đáp:

– Ông giết cha, lấy mẹ làm vợ, nuôi dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn, trở lại cho tôi khát sĩ là hổ thẹn!

Bấy giờ hóa Sa-môn liền nói kệ:

*Cành nhánh sinh không dứt*

*Do lo ăn, tham dục*

*Nuôi oán, thêm hậu hoạn*

*Người ngu mãi rộn ràng.*

*Ái nhiễm của người ngu*

*Với vợ con ràng buộc*

*Trí giả thấy kiên cố*

*Hơn ngục tù thế gian.*

*Người trí thấy rõ ái*

*Ngục kiên cố khó ra*

*Nên với dục tránh xa*

*Dứt ái, được an ổn.*

Trưởng giả nghe kệ xong, kinh ngạc hỏi:

–Đạo nhân vì sao mà nói như vậy?

Sa-môn đáp:

–Con gà trên bàn là cha ông đời trước. Do vì kiếp trước keo kiệt nên nay ông ta phải luôn làm gà để ông ăn thịt. Còn đứa bé này kiếp xưa là La-sát. Thuở đó, ông là thương khách đi thuyền ra biển buôn bán bị dòng nước cuốn, trôi dạt vào nước quỷ La-sát bị nó ăn thịt. Năm trăm đời đều như vậy, La-sát mạng hết sinh lại làm con ông. Vì tội ông chưa hết nên nó đến để hại ông. Vợ ông ngày nay chính là mẹ ông đời trước, do vì thương yêu sâu chắc nên nay trở lại làm vợ ông. Ông ngu si không biết túc mạng, giết cha cho oan gia ăn, lấy mẹ làm vợ. Sáu nẻo luân hồi mênh mang không bờ bến, quanh quẩn trong đó mấy ai biết được. Chỉ có bậc Chân nhân đắc đạo mới thấy được việc người chết chỗ này, sinh chỗ kia. Kẻ ngu không biết há chẳng hổ thẹn sao?

Bấy giờ trưởng giả kinh sợ toàn thân nổi gai, toát mồ hôi lạnh. Đức Phật liền vận dụng thần thông giúp ông biết được túc mạng. Trưởng giả liền sám hối lỗi lầm, tạ ân Đức Phật xin thọ Ngũ giới. Kế đó, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông nghe. Nghe xong, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

## M

### Thí dụ 63:

Thuở xưa Đức Phật thuyết pháp tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ. Lúc ấy có một vị Tỳ-kheo trẻ vào thành khát thực. Ông trông thấy một thiếu nữ thật là xinh đẹp, lòng liền khởi niệm sắc dục, quyến luyến mãi không dứt. Do đó, dần dần ông mang bệnh, bỏ ăn uống, mặt mày tiêu tụy nằm liệt trên giường. Các bạn đồng đạo đến thăm hỏi nguyên nhân bệnh tình. Vị Tỳ-kheo trẻ cứ như thật giải bày. Ông nói rằng mình muốn bỏ tu, kết tình ân ái với cô ấy, song vì không được như nguyện nên lâu ngày buồn khổ thành bệnh tương tư.

Các huynh đệ đồng đạo hết lời khuyên can song ông không để vào tai. Thấy vậy, mọi người mới dìu vị ấy đến chỗ Đức Phật, kể hết mọi chuyện cho Ngài nghe. Đức Phật bảo với vị Tỳ-kheo trẻ tuổi:

–Nguyện ước của ông dễ thành thôi, đâu có gì phải ôm mối sầu thương! Ta sẽ tìm cách giúp ông mãn nguyện, hãy vui vẻ dậy ăn uống.

Vị Tỳ-kheo nghe xong, trong lòng mừng rỡ, u uất không còn. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dẫn vị Tỳ-kheo trẻ và đại chúng vào thành Xá-vệ, tìm đến nhà người đẹp nọ. Đến nơi mới hay cô gái đã chết ba ngày rồi, thi thể còn để nguyên tại nhà vì gia đình thương khóc không nỡ liệm đem chôn. Lúc ấy thân cô đã sinh lên, đồ như bất tịnh chảy tràn, mùi hôi thối khó chịu.

Đức Phật liền bảo vị Tỳ-kheo:

–Ông thấy chăng? Người mà ông mơ tưởng nay đã như vậy, vạn vật vô thường trong hơi thở. Người ngu chỉ nhìn bên ngoài mà không thấy được chỗ dơ xấu bên trong, cứ mãi ràng buộc trong lưới tội mà cho là khoái lạc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thấy sắc tâm mê tưởng  
Chẳng xét lẽ vô thường*

*Người ngu cho là đẹp  
Giả dối lại yêu thương.  
Đắm mình trong đục lạc  
Tầm kéo kén khác chi  
Người trí tuệ dứt hẳn  
Hết khổ não sâu bi.  
Người tâm ý buông lung  
Dâm nơ cho là sạch  
Tình ân ái sâu nặng  
Là lao ngục trời trần.  
Người tỉnh giác trừ dâm  
Bất tịnh quán để tâm  
Nhờ đó khỏi lao ngục  
Già chết dứt tận mầm.*

Vị Tỳ-kheo trẻ tuổi lúc ấy trông thấy người đẹp chết đã ba ngày, mặt mày thối rữa khó thể đứng gần, lại nghe bài kệ giảng dạy rất rõ, nên hổ thẹn tỉnh ngộ, biết mình trước đây mê lầm. Ông bèn đánh lễ, dập đầu sám hối với Đức Thế Tôn. Đức Phật hứa khả, cùng đại chúng trở về tinh xá. Từ đó ông đem hết thân mạng nỗ lực công phu, tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán. Đại chúng được đi theo hôm đó rất nhiều người thấy sắc dục ô uế, tin hiểu sâu được lẽ vô thường, tham ái lần dứt cũng chứng được đạo quả.

## M

### Thí dụ 64:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng Trời, Người, Long, Thần. Lúc ấy, trong nước có một vị đại trưởng giả giàu có vô số, sinh được một người con trai tuổi chừng mười hai, mười ba. Hai vợ chồng lần lượt qua đời, cậu con nhỏ bơ vơ, không biết làm ăn quản lý gia nghiệp, cho nên mới vài năm mà cậu đã hoang phí tiền của khiến tàn gia bại sản đến nỗi phải đi ăn xin.

Cha cậu có một người bạn thân cũng là trưởng giả rất giàu có. Một hôm ông trông thấy cậu ta mới hỏi nguyên do. Được biết hoàn cảnh cậu như vậy, ông thương xót đem cậu về bảo bọc, gả con gái, cất nhà riêng cho ở và cho nô tỳ, xe ngựa, tiền của vô số để làm ăn. Song cậu ta tánh lười biếng, không biết tính toán làm ăn, cứ ngồi không ăn xài phung phí, chẳng bao lâu lại lâm vào cảnh đói nghèo. Trưởng giả vì thương con gái phải cho của cải làm vốn một lần nữa, song anh ta cũng lại như trước, rốt cuộc bị phá sản, nghèo khổ.

Thấy mấy lần giúp đỡ, mà anh vẫn ăn xài hoang phí, trưởng giả nghĩ rằng anh không thể làm ăn nên người được, chi bằng bắt con gái lại đem gả cho người khác. Ông đem chuyện này ra cùng thân tộc bàn bạc. Không ngờ người con gái nghe trộm được trở về mách với chồng bảo:

–Nhà tôi đông đảo, có thế lực đê bệp anh, nay muốn bắt tôi lại vì anh không biết làm ăn. Anh tính như thế nào đây?

Người chồng nghe vợ nói vậy, hổ thẹn tự nghĩ: “Đây chính là do ta bạc phước, sinh ra không có cha mẹ che chở đùm bọc, không học được cách làm ăn sinh sống. Nay ta sắp mất vợ rồi sẽ đi ăn xin như cũ. Tình ân ái sâu nặng, nay phải xa nhau làm sao chịu

nổi. Nghĩ tới nghĩ lui mãi, cuối cùng anh khởi ác niệm, đưa vợ vào phòng rồi cả hai cùng chết một chỗ.

Nghĩ xong, anh đưa vợ vào phòng đâm vợ chết rồi quay lại tự sát. Nô tỳ hay được hoảng kinh chạy đi báo trưởng giả. Ông và cả nhà vội chạy sang thì thấy việc đã như thế, chỉ còn biết thu lượm thi hài lo tẩm liệm chôn cất. Cả nhà đang lúc đau buồn nhớ con không nguôi, bỗng nghe tiếng nói có Đức Phật đang tại thế thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, ai gặp được Ngài đều hoan hỷ, dứt hết sầu lo. Vị trưởng giả bèn dẫn cả nhà đến chỗ Phật, làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi:

–Ông từ đâu đến? Có chuyện gì không vui mà sao sắc mặt ưu sầu?

Trưởng giả bạch:

–Nhà con vô phước, trước đây gả một người con gái. Chẳng may gặp đũa ngu phu không biết làm ăn. Vì vậy con định bắt con về, không ngờ nó lại giết vợ rồi tự sát. Con lo đám chôn cất chúng nó xong, trên đường về ghé thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Tham dục, sân hận là bệnh thường trên thế gian, ngu si vô trí là cửa của họa hoạn. Năm đường trong ba cõi do đây mà đọa lạc, sinh tử triền miên trải vô lượng kiếp, chịu khổ biết bao. Người thường còn không biết ăn năn hối cải, huống chi là kẻ ngu làm sao biết được! Cái độc của tham dục giết mình, giết thân tộc, hại lây đến chúng sinh đâu phải chỉ riêng có vợ chồng.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngu do tham trói buộc  
Không cầu qua bờ giác  
Hại mình hại luôn người  
Do tham tài tạo tác.  
Tâm ái dục như ruộng  
Dâm, nộ, si là giống  
Người xả bỏ, giải thoát  
Được phước thật vô lượng.  
Giặc tham dục hại mang  
Như nhà buôn nhiều hàng  
Giữa đường hiểm út bạn  
Nên người trí không tham.*

Bấy giờ, vị trưởng giả nghe Đức Phật nói kệ tâm sinh hoan hỷ không còn đau buồn khổ não, ngay trước thân tộc và thính chúng, phá mười hai ức kiếp nghiệp đắc quả Tu-đà-hoàn.

Thí dụ 65:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ vì hàng trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, quan dân thuyết pháp. Lúc ấy có hai gã lêu lổng lang thang kết thân với nhau, đi đâu cũng có mặt như hình với bóng. Hai người bàn nhau muốn làm Sa-môn, bèn đến chỗ Phật làm lễ, rồi quỳ xuống chấp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia làm Sa-môn, xin Ngài thu nhận.

Đức Phật cho phép hai người xuất gia làm Sa-môn, rồi cho ở chung một phòng. Hai người sống chung vì tập khí thế gian còn sâu dày nên suốt ngày chỉ nhớ chuyện ân ái vinh hoa của thế gian. Họ thường xuyên nói đến thân thể mỹ miều của người đẹp mà không xét nghĩ tính chất vô thường, bất tịnh của nó. Do đê nén dục vọng nên dần dần thành bệnh uất kết bên trong. Đức Phật với tuệ nhãn thấy được chuyện này. Ngài biết họ do vọng tưởng, buông lòng do dục niệm nên không tu được. Ngài liền sai một trong hai người đi khỏi, rồi tự hóa thành người đó đến ở chung với vị còn lại. Hóa Tỳ-kheo này nói với vị ở chung:

–Chúng ta cứ nhớ nghĩ hoài đến ân ái, chi bằng hôm nay đi xem thân thể người đẹp ra sao. Ở nhà mà tưởng nhớ suông nào có được gì đâu.

Hai người cùng đến xóm dâm nữ. Đức Phật hóa ra một cô gái điếm ở trong xóm đó. Hai người đến đó vào phòng cô ta rồi nói:

–Chúng tôi là người tu, thọ cấm giới của Phật nên không phạm đến việc ăn nằm. Ý chỉ muốn xem thân thể người nữ thôi, nhưng vẫn trả tiền theo phép.

Cô gái ấy nghe vậy liền cởi bỏ đồ trang sức, y phục đứng khỏa thân cho vị ấy ngắm. Một mùi hôi hám từ thân cô bốc ra. Hai người trông thấy vẻ nhơ bẩn của nó không ai gặng nổi.

Hóa Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo kia:

–Vẻ đẹp của người nữ chẳng qua là do phấn sáp xông hương, tắm gội nước hoa. Họ mặc y phục màu sắc xinh đẹp là để che chỗ dơ xấu của mình, ướp hoa xông hương là để lấp mùi hôi thân thể. Thật ra nó chỉ như cái túi da chứa phân có gì đáng tham?

Bấy giờ Hóa Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Dục! Ta biết rõ người  
Người từ nhớ tưởng sinh  
Ta nếu không nhớ tưởng  
Người tự sẽ không còn.  
Trong tâm thích, là dục  
Đâu chỉ năm dục ngoài  
Bỏ ngũ dục được ngay  
Là người đại dũng lược.  
Vô dục thì vô úy  
An lạc chẳng lo chi  
Dục hết, kết sử giải  
Sinh tử mãi thoát ly.*

Hóa Tỳ-kheo nói kệ xong, hiện lại thân Phật tướng hảo quang minh. Vị Tỳ-kheo trông thấy hổ thẹn ăn năn, năm vóc sát đất đánh lễ Đức Phật. Đức Phật lại thuyết pháp cho ông. Ông nghe xong hoan hỷ tỏ ngộ chứng quả A-la-hán.

Cả hai trở về tinh xá. Lúc ấy vị Tỳ-kheo được Phật sai đi cũng trở về. Vị ấy thấy

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bạn mình thân sắc hoan hỷ hơn mọi khi, bèn hỏi nguyên nhân. Tỳ-kheo liền kể chuyện Đức Phật đã từ bi độ mình như thế nào và mình nhờ Đức Phật được thoát khỏi các khổ. Nói xong vị Tỳ-kheo lại nói kệ:

*Ngày đêm tưởng nhớ dục  
Ý dơng ruổi không ngừng  
Thấy nữ dục nhớp nhơ  
Hết tưởng, hết buồn khổ.*

Vị Tỳ-kheo bạn nghe kệ xong, tự tư duy quán chiếu, đoạn dục diệt tưởng chứng được pháp nhãn.

M

Phẩm 36: LỢI DƯỠNG

Thí dụ 66:

Thuở xưa, Đức Phật dẫn các đệ tử đến tinh xá Mỹ âm thuộc nước Câu-đàm-di thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng, thần. Lúc ấy, vua nước này tên là Ưu Điền, có một vị đại phu nhân tính tình nhân từ, được khen ngợi là trong sạch. Vua rất yêu quý, kính trọng tiết hạnh của bà. Vua nghe Đức Phật đến thuyết pháp nên cùng phu nhân xa giá đến chỗ Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì vua, phu nhân và thể nữ thuyết pháp vô thường, khổ, không; người ta do đâu tái sinh, hội họp rồi phải chia ly, oán ghét gặp gỡ nhau khổ; do phước sinh lên cõi trời, vì ác phải đọa địa ngục.

Vua và phu nhân hoan hỷ tin hiểu, đều thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín rồi từ giã trở về cung. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn tên là Kiết Tinh sinh được một người con gái xinh đẹp vô song. Đến năm mười sáu, sắc đẹp của cô thật toàn vẹn không kém khuyết điểm nào. Ông Bà-la-môn treo giải ngàn lạng vàng cho ai phê bình một điểm xấu của con gái mình. Thế mà suốt ba tháng vẫn không có người làm được.

Ông Bà-la-môn nghĩ con gái mình đã đến tuổi lấy chồng, nếu ai không ngồi tuấn tú xứng đôi thì sẽ gả cho.

Ông nghe nói Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích-ca, tướng mạo kim sắc hiếm có trên đời, nên dẫn con gái đến gả cho Đức Phật. Ông đưa con gái đến, chào hỏi xong, rồi thưa với Phật:

–Con gái tôi xinh đẹp hiếm có trên đời, nay đã trưởng thành phải gả chồng nhưng trên đời này không có kẻ xứng đôi. Ngài Cù-đàm đây đẹp đẽ vô song nên dẫn nó từ nơi xa xôi đến để gả cho Thế Tôn Ngài vậy. Đức Phật nói với Kiết Tinh:

–Nét xinh đẹp của con gái ông là cái đẹp quý của gia đình ông, còn cái đẹp của Ta là cái đẹp quý của chư Phật. Quan niệm về cái đẹp quý của chúng ta khác nhau. Ông tự khen con gái mình xinh đẹp, song Ta xét ra chỉ giống một cái bình tô vẽ đẹp nhưng lại đựng đồ bất tịnh hôi dơ, có gì đáng quý đâu? Sắc vóc xinh đẹp là chỗ dính mắc của năm tên giặc lớn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Tư dung đẹp đẽ là tai họa lớn của thân. Tan nhà nát cửa, giết mình hại thân tộc đều do nữ sắc mà ra. Ta làm Sa-môn sống một mình còn sợ bị tai ách, huống hồ lại phải cưu mang quà tặng chứa đầy tai nạn giặc dữ kia! Ông hãy đem đi, Ta không nhận đâu.

Ông Bà-la-môn nghe vậy nổi giận liền bỏ đi. Ông đưa con gái đến ra mắt vua Ưu Điền, khen ngợi vẻ đẹp của con mình, rồi thưa:

–Con gái tôi đáng bậc vương phi, nay đã trưởng thành nên đưa đến dâng vua.

Vua nhìn nàng đẹp dạ bèn đồng ý và phong làm đệ nhị tả phu nhân, ban cho Kiết Tinh đai ấn, vàng bạc châu báu rồi phong làm quan kế cận giúp vua. Cô con gái sau khi đắc sủng, ôm lòng ganh ghét thường mê hoặc vua. Nhiều lần cô tìm cách gièm pha đại phu nhân, song vua đều quát lớn:

–Khanh chỉ đặt điều yêu mị không thật. Đại phu nhân là người tiết hạnh đáng quý mà lại gièm pha.

Cô này do lòng đố kỵ nên vẫn rắp tâm làm hại đại phu nhân, luôn tìm dịp tâu ra tâu vào khiến vua từ từ cũng xiêu lòng tin theo. Một hôm cô tìm ra một cơ hội, nhân ngày trai giới lại khuyên vua:

–Cuộc vui hôm nay xin mời hữu phu nhân ra dự.

Vua nghe lời ra lệnh hai hậu đều tham dự. Nhưng đại phu nhân vì trì trai giới nên

không vâng lệnh. Vua ba lần cho người gọi mà bà nhất định trì trài không ra. Vua nổi giận sai người lôi ra, bắt trói trước điện rồi lấy cung định bắn chết. Đại phu nhân vẫn không sợ hãi, nhất tâm quy y Phật. Vua nhắm phu nhân bắn, không ngờ mũi tên bay lại phía sau vua. Bắn mấy phát liền đều như vậy cả. Lúc ấy vua cảm thấy sợ hãi vội buông cung xuống đích thân cởi trói cho đại phu nhân, rồi hỏi:

–Khanh có pháp thuật lạ gì mà khiến như thế?

Phu nhân trả lời:

–Thiếp chỉ phụng thờ Như Lai, quy y Tam bảo. Sáng nay thiếp thọ trai giới của Phật không ăn quá ngọ. Lại nữa giữ tám giới của Phật không được trang sức. Đây chắc là Đức Thế Tôn từ bi gia hộ khiến được như thế.

Vua nói:

–Lành thay! Sao không nói sớm cho trẫm?

Vua liền đuổi con gái của Kiệt Tinh về nhà rồi giao cho đại phu nhân coi quản hết mọi việc trong cung.

Sau đó vua, phu nhân, các phi tần hậu cung và thái tử dẫn theo xa giá đến chỗ Đức Phật. Sau khi làm lễ xong, mọi người ngồi qua một bên chấp tay nghe pháp. Vua liền đem những việc đã xảy ra thuật lại đầy đủ cho Phật nghe. Đức Phật nghe xong bảo:

–Này Đại vương, người nữ yêu tà độc ác có tám mươi bốn phong thái. Trong đó có tám phong thái chính bị người trí tuệ ghét. Đó là:

1. Tật đố.
2. Giận càn.
3. Mắng chửi.
4. Trù rửa.
5. Trấn áp.
6. Keo lặn, tham lam.
7. Ham trang sức.
8. Ôm lòng thâm độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dầu trời mưa thất bảo  
Dục tâm thỏa được nào!  
Vui ít khổ biết bao  
Ai giác ngộ: Hiền trí.  
Dầu dục lạc cõi trời  
Trí giả xả không tham  
Vui viễn ly ân ái  
Làm đệ tử Phật-đà.*

Đức Phật nói với vua:

–Người ta làm phước tạo tội, mỗi thứ đều có tính chất riêng. Cho nên thọ quả báo vui khổ cũng khác nhau xa. Nếu thực hành pháp lục trai giới sẽ được phước rất nhiều, chư Phật đều khen ngợi và khi chết sẽ được sinh Thiên hưởng phước an vui.

Đức Phật nói xong, vua, phu nhân, thế nữ và các quan đại thần tâm ý đều khai ngộ, thấy được đạo.



Phẩm 37: SA-MÔN

Thí dụ 67:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ vì hàng trời, rồng, quỷ, thần, vua quan, nhân dân thuyết pháp. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo trẻ sáng sớm đắp y, cầm trống, mang bát đến một ngôi làng lớn khát thực. Trên con đường cái mà vị Tỳ-kheo khát thực đi ngang, có một khu vườn rau của quan, bên ngoài trồng lúa. Trong đám cỏ xung quanh ruộng lúa có đặt bẫy tên, nếu có thú hay trộm đến đụng vào lưới, tên sẽ bắn ra giết chết. Khu vườn này do một thiếu nữ xinh đẹp canh giữ. Ai muốn vào phải ở xa lên tiếng, cô gái đưa đường mới vào vườn được. Kẻ không biết đường tự vào sẽ bị tên bắn chết. Cô gái một mình giữ vườn buồn nên cất tiếng ca ai oán. Tiếng hát của cô vô cùng truyền cảm, ai đi ngang cũng bị thu hút, xuống xe dừng ngựa muốn vào vườn, tần ngần không đành trở bước, ngồi quanh lắng nghe.

Lúc ấy vị Tỳ-kheo trên đường khát thực trở về, đi ngang lắng nghe tiếng ca, năm tình liền dậy khởi, tâm ý mê loạn quyến luyến không sao dứt được. Vị Tỳ-kheo tưởng tượng người ca ắt hẳn vô cùng xinh đẹp nên muốn tìm cách vào khu vườn đó. Chưa vào trong mà ý chí của vị Tỳ-kheo ấy tiêu tan, tay buông tích trống, để rớt y bát mà không hay biết.

Đức Phật với Tam minh thấy vị Tỳ-kheo này như vậy, nếu còn bước thêm ít bước sẽ bị trúng tên mà chết. Vị ấy có phước đang lẽ đắc đạo, song bị ngu si làm mê, lòng dục che lấp. Ngài xót thương muốn độ thoát ông ta, nên hóa ra một cư sĩ đi đến bên cạnh Tỳ-kheo đó dùng kệ trách:

*Sa-môn là hạnh gì  
Sao buông lòng phóng túng  
Từng bước đi dính mắc  
Chỉ theo ý ruổi dong.  
Ca-sa khoát trên vai  
Bị ác tâm tổn hại  
Người làm theo ác hạnh  
Sẽ đọa ác đạo ngay.  
Vượt dòng ái, tự giữ  
Hàng phục tâm, hết dục  
Người không dứt được dục  
Ý vẫn dong ruổi hoài.  
Hãy nên vì điều đó  
Phải gắng tự chế ngăn  
Xuất gia mà giải đãi  
Ý ô nhiễm trời trần.  
Người hạnh tu giải đãi  
Ý mê hoặc còn hoài  
Không phải hạnh thanh tịnh  
Đến bảo sở, khó thay!  
Kẻ không thuần khó dạy  
Như gió thổi cây khô  
Tự mang hại bản thân*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Sao không lo tinh tấn.*

Nói kệ xong, vị Hóa cư sĩ đó hiện lại thân Phật, tướng hảo quang minh khắp đất trời, ai trông thấy đều dứt hết mê loạn được an ổn. Vị Tỳ-kheo trông thấy Đức Phật, tâm ý chợt khai ngộ như tối gặp sáng liền năm vóc phủ phục sát đất đánh lễ sám hối, tạ ân Đức Phật. Vị ấy trong tâm thông tỏ pháp chỉ quán đặc quả A-la-hán, bèn theo Đức Phật trở về tinh xá. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhãn.

M

Phẩm 38: PHẠM CHÍ

Thí dụ 68:

Thuở xưa, trong nước Tư-ha-điệp có một ngọn núi lớn tên là Tư-hư-giá-tha. Trong núi có hơn năm trăm vị tu sĩ Bà-la-môn đều đắc thần thông. Các vị đó tự bảo với nhau:

–Chỗ chứng đắc của chúng ta chính là Niết-bàn.

Lúc ấy, Đức Phật mới ra đời giống trống pháp, mở cửa cam lộ. Ngài thấy các Bà-la-môn này nghe được tên Phật mà chưa đến gặp. Ngài lại xét thấy họ là những người có thể độ được. Nên một hôm, Đức Thế Tôn một mình đi vào núi, ngồi dưới một cội cây nơi đường ra vào. Ngài nhập Tam-muội phóng hào quang trên thân soi chiếu khắp núi, mọi nơi đều rực sáng như núi bị cháy.

Các Bà-la-môn thấy vậy sợ hãi, vội dùng thần thông phun nước dập lửa. Nhưng họ đâu cố sức thế nào đi nữa cũng không dập tắt được. Họ lấy làm lạ bỏ núi chạy ra. Xa xa họ trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi tọa thiền dưới cội cây, như mặt trời mọc bên núi vàng, như vầng trăng sáng giữa đám sao đêm. Họ ngạc nhiên không biết đó là vị thần nào nên vội đến xem. Đức Phật bảo họ ngồi xuống rồi hỏi từ đâu tới. Họ đáp:

–Chúng tôi ở núi này tu đạo đã lâu. Sáng nay lửa dữ nổi lên đốt cháy rừng cây trong núi nên lo sợ bỏ chạy ra.

Đức Phật bảo:

–Đây là lửa phước không làm tổn thương người, chỉ muốn đốt cháy trần cấu si mê của các ông.

– Lúc ấy các thầy trò Bà-la-môn cùng nhau bàn tán:

–Đây là đạo sĩ gì vậy? Trong chín mươi sáu thứ đạo chưa từng có ông thầy này! Có người nói:

–Tôi từng nghe con vua Tịnh Phạn tên là Tất-đạt không tham ngôi báu xuất gia cầu thành đạo Phật. Phải chăng là ông ấy?

Các đệ tử bèn đề nghị thầy mình:

–Chúng ta thử hỏi Phật chỗ hành sự của các Bà-la-môn có đúng pháp không?

Lúc ấy, các thầy trò Bà-la-môn đứng dậy bạch Đức Phật:

–Kinh pháp Bà-la-môn tên là Tứ vô ngại. Các môn như thiên văn, địa lý, pháp các vua chúa trị nước an dân là những pháp tắc phải làm nên chín mươi sáu thứ đạo đều gồm đủ trong đó. Không biết kinh này có phải là pháp Niết-bàn không? Xin Phật giải nói cho kẻ chưa được nghe.

Đức Phật dạy:

–Các ông hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta từ vô số kiếp quá khứ thường tu theo kinh này đắc được Ngũ thông đời non lấp biển, song vẫn bị sinh tử triền miên không dứt, tự mình không chứng Niết-bàn cũng không nghe có ai đắc đạo. Nên các ông tu hành như vậy không phải gọi là Bà-la-môn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Dứt dòng ái, vượt qua*

*Vô dục như Phạm thiên*

*Ý hành đều chấm dứt*

*Đó gọi Bà-la-môn.*

*Mở được các dục kết*

*Thanh tịnh vượt vực sâu*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Không có pháp thứ hai  
Đó gọi Bà-la-môn.  
Không phải bện búi tóc  
Mà gọi Bà-la-môn  
Nếu thành tín, theo pháp  
Thanh bạch là Hiền nhân.  
Búi tóc mà vô tuệ  
Mặc áo cỏ làm chi?  
Trong không lìa cấu uế  
Ngoài xả bỏ ích gì?  
Bỏ hết dâm, nộ, si  
Kiêu mạn, các ác kiến  
Như rắn lột bỏ da  
Đó gọi là Bà-la-môn.  
Việc đời quyết cắt tuyệt  
Miệng không nói lời thô  
Bát chánh đạo trao dồi  
Đó gọi là Bà-la-môn.  
Đã dứt nguồn ân ái  
Sống vô dục, không nhà  
Mọi ái nhiễm đoạn tận  
Đó gọi Bà-la-môn.  
Lìa xa cõi nhân gian  
Không rơi lại cõi trời  
Không vướng trong các cõi  
Đó gọi Bà-la-môn.  
Tự biết túc mạng mình  
Vốn từ đâu lại đây  
Đã đoạn hết sinh tử  
Thông tỏ được đạo mâu  
Sáng suốt và vắng lặng  
Đó gọi Bà-la-môn.*

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Bà-la-môn:

–Chỗ các ông tu tập tự cho là đã được Niết-bàn giống như chút đỉnh nước đọng, cá làm sao vui trọn dài lâu. Vạn vật nhân duyên hòa hợp tự tính vốn không.

Các Bà-la-môn nghe xong vô cùng hoan hỷ, quý thẳng bạch Phật xin làm đệ tử. Râu tóc họ liền tự rụng thành Sa-môn. Do tu hạnh thanh tịnh họ đều đắc quả A-la-hán. Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều thấy được đạo.

M

Phẩm 39: NÊ-HOÀN

Thí dụ 69:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Linh thúu nơi thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Lúc ấy, có vua nước Ma-kiệt-đà tên là A-xà-thế trông coi năm trăm nước nhỏ. Nước kế bên là Việt-kỳ không muốn thần phục nên vua định đem quân sang đánh. Vua bèn triệu tập quần thần hỏi ý kiến:

–Nước Việt-kỳ giàu có, sản xuất nhiều trân báu mà không chịu thần phục ta. Theo ý các khanh, ta có nên đem quân sang chinh phạt không?

Trong triều có vị thừa tướng tên là Vũ Xá đáp:

–Nên đánh.

Vua mới bảo Vũ Xá:

–Phật cách đây không xa, Ngài là Bạc Thánh Triết có đủ Tam minh biết hết mọi việc. Khanh hãy đến chỗ Phật, theo ý ta lựa lời thăm hỏi xem nếu đem quân sang đánh nước kia thì có thể thắng được không?

Thừa tướng vâng lệnh, liền cho thắt xe ngựa đến tinh xá. Ông đến trước Phật đảnh lễ ra mắt. Đức Phật bảo ông ngồi sang một bên, rồi hỏi:

–Thừa tướng từ đâu đến?

Ông đáp:

–Vua sai con đến đảnh lễ hỏi thăm sức khỏe Phật như mọi khi.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Vua và nhân dân bề tôi đều bình an cả chứ?

Ông đáp:

–Vua và nhân dân nhờ ân Phật thấy đều bình an.

Ông nhân dịp đó bạch luôn:

–Vua và nước Việt-kỳ có hiềm khích định đem quân sang chinh phạt. Không biết theo Thánh ý có thể chiến thắng được không?

Đức Phật đáp:

–Này thừa tướng, nhân dân nước Việt-kỳ thực hành bảy pháp nên không thể thắng. Mong rằng vua suy xét cẩn thận không nên vọng động dấy binh.

Thừa tướng bèn hỏi:

–Bảy pháp đó là gì?

Đức Phật đáp:

–Bảy pháp đó là:

1. Nhân dân nước đó thường tụ họp, bàn luận chánh pháp, tu phước, tự sửa.
2. Vua tôi, thần dân nước đó trên dưới một lòng. Kẻ làm tôi làm dân thì trung lương, người làm vua thì nghe lời can gián, không bạo ác.
3. Nhân dân nước đó gìn giữ chánh pháp, khuyên bảo nhau không lợm của rơi, không dám phạm tội, trên dưới đều tuân theo pháp tắc.
4. Nhân dân nước đó giữ theo lễ nghĩa, kính cẩn. Nam nữ phân biệt, lớn nhỏ phân biệt không để mất nghi tắc.
5. Nhân dân nước đó hiếu dưỡng Cha mẹ, kính yêu Sư trưởng, nghe lời răn bảo dạy dỗ coi đó như pháp tắc của quốc gia.
6. Dân nước đó biết theo thời tiết, đất đai, quý trọng lúa thóc, bốn mùa dân chúng siêng năng cấy cấy không bỏ bê.

7. Dân nước đó tôn đạo kính đức. Trong nước có Sa-môn, thánh giả, A-la-hán từ xa đến đều cúng dường các thứ áo mền, giường chõng thuốc thang.

Ai làm vua mà thực hành được bảy pháp này thì không bị nguy khốn. Dầu cho đem binh cả thiên hạ đến đánh cũng không thắng được. Nay thừa tướng, nếu như nhân dân nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp thôi cũng không thể đánh thắng được, huống chi là thực hành cả bảy pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thắng người không đủ cậy  
Tuy thắng, khổ bên mình  
Phải cầu pháp tự thắng  
Thắng rồi được vô sinh.*

Vũ Xá nghe Đức Phật nói kệ liền thấy được đạo. Lúc ấy mọi người trong pháp hội liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Thừa tướng từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

–Việc nước bạn bị phải về lo, vậy xin từ giả Thế Tôn. Đức Phật nói:

–Phải biết xử sự đúng lúc.

Sau khi từ chỗ ngồi đứng lên, thừa tướng lễ Đức Phật ra về. Ông đem mọi việc thưa lại với vua. Vua bèn từ bỏ ý định đánh nước Việt-kỳ, nghiêm trì theo lời Phật dạy, lấy đó để giáo hóa nhân dân. Sau đó nước Việt-kỳ đến quy thuận, trên dưới kính quý nhau, nước nhà hưng thịnh.

## M

### Phẩm 40: SINH TỬ

#### Thí dụ 70:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn vì hàng trời, người, vua quan, dân chúng tuyên thuyết diệu pháp. Lúc ấy, bên đường có một gia đình trưởng giả Bà-la-môn giàu có vô số, chỉ sinh được một người con trai, năm nay vừa tròn hai mươi tuổi. Vị trưởng giả mới cưới vợ cho con được bảy ngày. Hai vợ chồng thương yêu ăn ở hòa thuận với nhau. Người vợ nói với chồng muốn ra vườn sau ngắm cảnh thưởng hoa. Chồng chiều ý vợ, hai người đưa nhau ra vườn sau. Lúc ấy đương vào tiết xuân, trong vườn có một cây nài cao to trổ hoa tươi đẹp. Vợ muốn hái hoa song không có người. Người chồng biết ý vợ muốn hoa nài liền trèo lên cây. Hái được một bông rồi, lại muốn hái thêm một bông khác. Leo chuyền dần dần đến một cành nhỏ. Nhánh cây gãy người chồng rơi xuống đất chết ngay.

Cả nhà hay tin vội chạy đến chỗ xác con than khóc kêu trời trách đất đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc trong ngoài đến thăm đông đảo, ai cũng hết sức thương tâm. Người nghe xót xa, kẻ thấy rơi lệ, cha mẹ và vợ trách trời sao tàn nhẫn chẳng hộ độ. Sau đó mọi người tắm liệm rồi đem anh đi chôn cất. Khi trở về, cả nhà suốt ngày than khóc mãi không thôi. Bấy giờ Đức Thế Tôn thương cho sự ngu muội của họ nên đến thăm hỏi. Cả nhà trưởng giả thấy Đức Phật đến, đau buồn khóc lóc đem hết sự tình ra kể lể. Đức Phật bảo với trưởng giả:

–Xin đừng than khóc nữa, hãy nghe Ta nói: “Vạn vật đều vô thường không thể trường cửu.” Đã sinh thì phải tử, tội phước theo nhau. Đứa con này thật ra phải có đến ba chỗ than khóc vì nó, sự đau buồn hai nơi kia cũng không thua chỗ ông đâu. Nó rớt

cuộc là con ai? Ai là người thân của nó?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Mạng sống như trái chín  
Sẽ rụng chẳng bao lâu  
Đã sinh là phải khổ  
Ai bắt tử được đâu?  
Do trước tham ái dục  
Tưởng dâm nhập bào thai  
Thọ thân mạng như điện  
Ngày đêm luôn giảm hoài.  
Thân này là vật chết  
Tinh thần: pháp vô hình  
Thân chết, thức tái sinh  
Tội phước vẫn không mất.  
Trước sau biết bao đời  
Do ái si kéo dài  
Khổ vui tự mình tạo  
Thân chết, thân còn lại.*

Trưởng giả nghe kệ xong, chợt thông hiểu không còn đau buồn, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, người con này đời trước gây tội gì mà đời nay phải yếu mạng như vậy? Xin Ngài hãy giảng nói rõ gốc tội.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Đời quá khứ có một đứa bé mang cung tên đến một cây thần chơi. Bên cạnh đó cũng có ba người nữa. Thấy trên cây có con chim sẻ, đứa bé muốn bắn. Ba người kia thấy vậy khuyến khích: “Bắn trúng được con chim sẻ đó, mới thật là bậc tiểu anh hùng.”

Đứa bé nghe vậy thích quá liền giơ cung bắn. Chim sẻ trúng tên rơi xuống đất chết. Ba người kia khen ngợi rồi bỏ đi. Trải qua vô số kiếp trong sinh tử họ lại gặp gỡ và cùng thọ tội. Một người trong bọn có phước nay ở cõi trời. Một người hóa sinh làm Long vương ở trong biển. Còn một người làm thân trưởng giả. Đứa bé cầm tên bắn chim chính là con ông ngày nay. Đời trước nó sinh làm con của người cõi trời, rồi mạng chung sinh làm con của trưởng giả. Giờ đây nó té chết lại sinh làm con của người làm Long vương dưới biển. Ngày nó vừa sinh ra đã bị chim Kim sí điểu vương bắt ăn thịt.

Ngày nay bọn ông ba người ở ba nơi đều vì đứa nhỏ mà buồn khổ than khóc thì có chi đáng nói đâu! Do vì ba ông đã tán trợ thú vui giết chim của đứa bé nên phải chịu báo ứng khổ đau than khóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thức tâm tạo ba cõi  
Năm chỗ thiện, bất thiện  
Thâm làm, thâm đưa đến  
Chỗ đến, như tiếng vang.  
Dục, Sắc, Vô sắc giới  
Tất cả do túc nghiệp  
Như giống nào trái nấy  
Báo như bóng theo hình.*

Đức Phật nói kệ xong muốn khiến trưởng giả giác ngộ, nên đã dùng thần thông khiến cho mọi người thấy tức mạng, những việc đã xảy ra ở cõi trời, cõi của loài rồng. Trưởng giả nghe xong hoan hỷ đứng dậy, ra trước Phật quỳ xuống chấp tay bạch:

–Xin Đức Thế Tôn cho cả nhà chúng con là đệ tử, thọ trì Ngũ giới làm cư sĩ tại gia.

Đức Phật hứa khả, truyền trao Ngũ giới cho họ, rồi lại thuyết pháp về nghĩa vô thường. Mọi người hoan hỷ đắc quả Tu-đà-hoàn.

### M

#### Phẩm 41: ĐẠO-LỢI

##### Thí dụ 71:

Thuở xưa có một vị quốc vương dùng chánh pháp trị dân, ai ai cũng mến mộ đức độ. Song vua lại không có thái tử nối ngôi nên rất buồn lo về việc này. Một hôm, Đức Phật đến nước đó. Vua ra nghênh đón, nghe pháp vui mừng và xin lãnh thọ Ngũ giới. Vua ngày đêm tinh tấn, nhất tâm phụng trì chỉ xin nguyện có một đứa con. Trong cung có một thị đồng mười một tuổi mà vua thường dùng sai bảo. Cậu ấy là người trung tín, khiêm tốn giữ phép, không trái cung cách. Cậu lại tinh tấn hết lòng học tập, đọc tụng kinh kệ, suốt mấy năm cậu ấy luôn dậy trước mọi người, sắp đặt chuẩn bị chu đáo nhang đèn không biết nhọc. Rốt lại cậu mắc bệnh nặng chết đi, thần thức tái sinh làm con của vua.

Vua hết sức thương yêu, hết lòng nuôi dưỡng, đến năm mười lăm tuổi lập cậu lên làm thái tử. Sau khi vua băng hà, thái tử lên kế vị. Từ khi lên ngôi, tân vương trở nên kiêu mạn, phóng túng, hoang dâm vô độ, ngày đêm chìm đắm trong ngũ dục không lo việc nước. Vì thế mà các quan luôn bị bỏ triều, nhân dân bị khốn khổ.

Đức Phật biết vua không hiểu được bốn hạnh của mình, nên dẫn đệ tử đến nước đó hóa độ. Vua nghe Đức Phật đến, theo phép tiên vương cũng dẫn đại chúng ra nghênh tiếp, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống chỗ của mình.

Đức Phật hỏi thăm vua:

–Đất nước nhân dân, bá quan vẫn an ổn như thường chứ?

Vua đáp:

–Quả nhân còn trẻ chưa đủ tài đức trị dân. Nhờ ân Phật mà trong nước vẫn an ổn.

Đức Phật lại hỏi:

–Vua có biết mình từ đâu sinh đến không? Tu công đức gì mà được vương vị không?

Vua đáp:

–Con ngu si không rõ, không biết đời trước làm gì.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, người do năm việc mà được làm quốc vương. Thế nào là năm? Đó là:

1. Bố thí được làm vua, được vạn dân phụng hiến cung điện, dâng nạp tiền của vô số.

2. Xây dựng chùa tháp, cúng dường Tam bảo giường chõng, màn trướng được làm vua. Nhờ phước đó mà nhà vua được ngự trên ngai vàng giữa triều trị nước.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

3. Thân cận, lễ kính Tam bảo và các bậc Trưởng đức nên được làm vua. Nhờ phước này nên vua được muôn dân kính lễ.

4. Nhẫn nhục ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ý không ác niệm do đó làm vua. Nhờ phước này nên ai trông thấy mặt vua cũng vui mừng.

5. Học hỏi, thường cầu trí tuệ nhờ đó được làm vua. Nhờ phước này nên vua quyết đoán việc nước ai cũng nghe theo.

Thực hành năm việc này đời đời sẽ làm vua.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người biết thờ bậc trên*

*Vua, cha, thầy, đạo sĩ*

*Có tín, giới, thí, tuệ*

*Chết an, tái sinh an.*

*Đời trước có phước đức*

*Nay tôn quý hơn người*

*Lấy đạo trị thiên hạ*

*Phụng pháp, ai cũng theo.*

*Vua là chủ thần dân*

*Thường yêu thương kẻ dưới*

*Thân noi theo Giới pháp*

*Làm gương dạy mọi người.*

*Sống an chớ quên nguy*

*Sáng suốt, phước càng đầy*

*Quả báo của phước đức*

*Không luận hèn hay sang.*

Đức Phật bảo vua:

–Tiền thân của vua là thị đồng của tiên vương. Do nhờ tín tâm thờ Phật, thanh tịnh trì Pháp, cung kính hầu Tăng, hiếu thảo cha mẹ, trung can với vua, nhất tâm tinh tấn bố thí, cực nhọc mà không biếng trễ nên được phước đời này làm con tiên vương, thừa hưởng ngôi vị vinh hoa phú quý. Thế mà nay vua giàu sang trở lại biếng trễ. Phàm làm vua nên thực hành năm việc:

1. Lãnh đạo muôn dân mà không có xa xỉ, phí phạm.

2. Nuôi dưỡng tướng sĩ tùy thời sai bảo.

3. Nhớ tu theo bốn nghiệp để phước đức còn mãi không dứt.

4. Biết tin nghe lời chánh trực của trung thần, không nghe lời sàm tấu làm hại bề tôi trung trực.

5. Tiết dục, không đắm theo dục lạc, không buông lung phóng dật.

Làm được năm việc này sẽ vang danh bốn biển, phước lộc tự đến. Bỏ năm việc này giềng mối sẽ mất hết. Nhân dân khốn khổ sẽ nghĩ đến việc nổi loạn, quân lính nhọc nhằn sẽ bỏ bê việc công. Do vô phước quỷ thần không giúp đỡ, lại tự tung tự tác bất kể đạo lý, trung thần không dám can ngăn. Cho nên việc nước bỏ bê, gian thần lộng hành, nhân dân oán thán. Nếu như vậy hiện đời thân bại danh liệt, đời sau sẽ vô phước khổ đau.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Phàm lãnh đạo thế gian*

*Tu chánh đạo không tà*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Điều tâm, thắng các ác  
Đó là bậc Pháp vương.  
Thấy đạo, hay tuệ thí  
Nhân ái, thích lợi người  
Bình đẳng với tất cả  
Được vậy chúng tựa nương.*

Nghe Đức Phật nói kệ xong, vua vô cùng hoan hỷ, đê đầu đánh lễ trước Phật để sám hối và tạ ân, rồi thọ Ngũ giới tu tập. Đức Phật lại vì vua thuyết pháp. Nghe xong, vua đắc quả Tu-đà-hoàn.

### M

#### Thí dụ 72:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ vì hàng trời người, vua quan, bốn bộ đệ tử thuyết đại pháp vô thượng. Lúc ấy, phía Nam của nước này có một vùng núi sâu, nơi đây thường xuất hiện một loại voi lớn. Con voi có ba màu trắng, xanh và đen. Vua muốn có loại voi lớn chiến đấu này nên sai người bắt nó giao cho điều tượng sư huấn luyện. Ba năm sau, voi có thể dùng để cỡi hay chiến đấu.

Lúc đó có một con voi thần do rồng sinh ra, thân trắng như tuyết, đuôi đỏ như son, hai ngà màu vàng kim. Thợ săn trông thấy con voi khác thường này bèn trở về tâu vua, mô tả hình dáng và bảo nó xứng đáng để vua cỡi. Vua liền ra lệnh tuyển mộ thợ săn voi hơn ba mươi người vào rừng bắt nó. Bọn họ đến chỗ voi giăng lưới định bắt. Thần tượng biết được ý người liền bước đến, cố ý rơi vào vòng lưới. Mọi người xúm lại định bắt, voi nổi giận lồng lên đạp những người đứng gần chết ngay tại chỗ, chỉ những kẻ ở xa mới kịp bỏ chạy, nhưng voi đuổi theo chẳng buông tha. Lúc ấy, cạnh núi có các Tỳ-kheo trẻ tuổi khỏe mạnh, đã tu học rất lâu nhưng chưa được định tâm. Họ ở xa thấy thần tượng đuổi theo giết người nên khởi lòng thương xót định cậy mạnh chạy đến cứu. Đức Phật từ xa trông thấy việc này, sợ các Tỳ-kheo bị thần tượng giết hại, nên liền hiện đến bên cạnh voi phóng hào quang rực rỡ. Voi trông thấy hào quang của Đức Phật không còn sân hận, thôi không đuổi theo giết người nữa. Các Tỳ-kheo thấy Đức Phật vội làm lễ đón chào. Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói kệ:

*Chớ vọng trêu thần tượng  
Để chuốc khổ vào thân  
Ác ý là tự sát  
Chết không sinh cõi lành.*

Các Tỳ-kheo nghe kệ xong liền cúi đầu đánh lễ sám hối. Rồi họ tự quán xét sâu xa lỗi lầm của mình, chứng được quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Các thợ bắt voi lúc ấy mới hoàn hồn, nghe pháp xong, đều hiểu được đạo.

### M

#### Thí dụ 73:

Thuở xưa, Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ. Lúc ấy vua Bình-sa có một vị đại thần vì phạm tội bị bãi chức đầy đến ở vùng núi phía Nam cách nước hơn ngàn dặm. Đây là nơi không người lai vãng, ngũ cốc xác xơ. Đại thần đến đó ít lâu,

không ngờ xuất hiện suối nước tràn trề, đất đai màu mỡ, ngũ cốc sung túc. Những người nghèo đói các nơi đổ về đây sinh sống, trong vòng mấy năm đã có ba bốn ngàn gia đình. Ai đến đều được cấp cho ruộng đất làm ăn.

Một hôm, có ba vị trưởng lão bàn với nhau: “Nước không có vua như thân không có đầu.” Nên cùng đến chỗ đại thần, đề cử ông lên làm vua. Vị đại thần trả lời các trưởng lão: “Nếu muốn lập tôi lên làm vua phải đúng pháp như các quốc vương: Tả hữu có đại thần hầu cận, văn võ tướng sĩ có phẩm trật trên dưới. Mọi người phải tuân theo lễ pháp triều. Lại phải tuyển các thiếu nữ nhập cung và nhân dân phải nộp tô thuế, lúa thóc, vải vóc.

Các quốc lão nói:

– Xin làm theo như thế.

Rồi họ một mực theo vương pháp, lập đại thần lên ngôi, sắp đặt quần thần văn võ trên dưới, phát động nhân dân xây cất thành quách, kiến tạo cung điện. Từ đó nhân dân khốn khổ, không còn cảnh an cư lạc nghiệp. Mọi người vì quá khổ cực nên muốn đảo chính soán ngôi. Các gian thần bày mưu đưa vua đi săn. Ra ngoài thành chừng ba bốn mươi dặm có một cánh đồng trống, họ trói vua lại định giết. Vua hỏi các cận thần:

– Sao các ông lại giết ta?

Họ đáp:

– Nhân dân nếu no ấm hạnh phúc sẽ lấy lễ thờ vua. Còn nhân dân nghèo đói sẽ nổi loạn lật đổ vương quyền.

Vua bảo:

– Chuyện này là do các khanh làm, không phải tại ta. Nếu giết oan ta thần minh sẽ biết. Hãy cho ta phát một lời nguyện, dù chết cũng can tâm.

Vua liền nguyện:

– Tôi vốn khai hoang tạo ruộng để nuôi dân. Ai đến sinh sống đều an cư lạc nghiệp. Rồi họ tự động suy tôn tôi lên ngôi vua, chiếu theo pháp vua các nước khác mà sắp đặt, làm ra mọi việc như thế. Nay họ trở lại giết tôi. Tôi thật không có tội với nhân dân. Nếu tôi chết nguyện sẽ làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ để trả thù này.

Vua nguyện xong, bị cận thần lấy dây xiết cổ chết, bỏ thân ở đó rồi đi. Ba ngày sau, thần thức vua làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ, tự xưng là A-la-bà. Quỷ vào cung dùng dây xiết cổ tấn vương và giết sạch các gian thần cũng như thể nữ. La-sát vẫn còn giận ra khỏi cung định bắt giết dân chúng. Ba vị quốc lão thấy vậy tự trói ra đầu thú trước La-sát, thưa:

– Đây là việc làm của gian thần, dân đen nào có biết gì. Xin ngài hãy rộng lòng tha thứ, trở về làm vua lại.

La sát bảo:

– Ta đã là La-sát, đâu có thể sống làm việc chung với người. Ta ăn thịt uống máu người, tánh thường hay phần nộ bất kể chuyện gì.

Ba vị quốc lão nói:

– Nước này do ngài mà có, nên xin ngài hãy làm vua lại như cũ. Còn việc ăn uống chính chúng tôi sẽ lo.

Từ đó, các quốc lão lập ra quy định: Nhân dân phải rút thăm lấy số thứ tự, nhà nào có con theo thứ tự nộp cho vua La-sát ăn. Trong ba bốn ngàn hộ gia đình, có một nhà là đệ tử Phật, tình tấn phụng trì Ngũ giới không phạm. Ông theo mọi người rút thăm trúng phải số thứ nhất, phải nộp đứa con nhỏ duy nhất của mình cho vua La-sát ăn trước hết.

Cả nhà buồn thương than khóc, hướng vọng về núi Kỳ-xà-quật đánh lễ sám hối nghiệp tội của mình.

Đức Phật với đạo nhân thấy hết nỗi thống khổ này, tự bảo: “Nhờ nơi đứa bé này Ta sẽ độ được vô số người.” Ngài liền một mình bay đến cửa cung điện vua La-sát, hiện tướng quang minh soi sáng nội cung. La-sát thấy hào quang nghi là dị nhân bèn ra gặp Phật. La-sát thấy Đức Phật liền khởi độc tâm định xông đến ăn thịt. Hào quang Phật chiếu vào mắt, bao nhiêu thần lực của La-sát đều tiêu tan, trở nên yếu đuối phải chịu hàng phục. La-sát thỉnh Phật lên tòa ngồi, còn mình quỳ dưới đánh lễ. Đức Phật vì La-sát thuyết pháp. La-sát nhất tâm nghe, tin hiểu rồi thọ Ngũ giới làm Ưu-bà-tắc.

Lúc ấy, viên quan tổng thực mang đứa bé đến cho vua La-sát ăn. Cả nhà đứa bé đều than khóc đi theo. Vô số người đi theo lấy làm đau xót. Viên quan ôm đứa bé trao cho vua La-sát. Vua La-sát đón lấy đứa trẻ, rồi quỳ trước Phật bạch:

–Đứa bé này do quốc dân theo thứ tự đưa đến cho con ăn. Nay con đã thọ Ngũ giới của Phật nên không ăn thịt nó nữa. Con xin cúng nó cho Đức Phật làm thí đồng hầu hạ.

Đức Phật nhận đứa bé rồi chú nguyện chúc lành. La-sát hoan hỷ đắc quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật đặt đứa bé vào bát rồi mang ra khỏi cung về nhà cha mẹ của nó. Đến nơi, Ngài bảo:

–Hãy nuôi đứa bé đừng đau buồn nữa. Mọi người trông thấy Đức Phật hết sức kinh ngạc không biết là vị Thần nào. Đứa bé này nhờ phước gì mà được cứu thoát khỏi làm thức ăn cho La-sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đứng giữa mọi người nói kệ:

*Giới đức chỗ nhờ cậy*

*Phước báo sẽ theo ta*

*Thấy pháp thành bậc thượng*

*Ba đường ác tránh xa.*

*Trì giới: hết khổ lo*

*Phước: ba cõi tôn quý*

*Quỷ thần ác độc tà*

*Không hại kẻ trì giới.*

Đức Phật nói kệ xong, vô số người thấy hào quang của Phật liền biết là Bạc Chí Tôn trong tam giới. Họ đều xin quy y làm đệ tử, nghe kệ hoan hỷ, đều tỏ ngộ được đạo.

## M

### Thí dụ 74:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại vườn Lộc dã, thành Ba-la-nại thuyết pháp cho hàng trời, người, quỷ, thần, vua quan, nhân dân. Lúc đó có một vị thái tử con vua nước lớn dẫn theo hơn năm trăm vị thái tử con vua các nước nhỏ đến chỗ Đức Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên nghe pháp.

Nghe xong, các thái tử bạch Phật:

–Phật đạo nhiệm mầu, cao xa khó đạt. Từ xa xưa đến nay không biết có quốc vương, thái tử, đại thần, con nhà hào phú nào từ bỏ đất nước thần dân, ái ân phú quý làm Sa-môn không?

Đức Phật bảo các thái tử:

–Vương quốc, vinh hoa, ân ái trên đời đều như huyễn hóa, như giấc mộng, như tiếng vang, có đó rồi không đó nào có trường tồn. Lại nữa, quốc vương, thái tử do ba

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

việc nên không thể đắc đạo. Ba việc đó là gì?

1. Kiêu mạn, buông lung không chịu học hỏi diệu nghĩa kinh Phật để cứu độ thần thức.

2. Tham lam vợ vét, không nghĩ bố thí cho kẻ nghèo cùng, khổ nạn bên dưới. Quan lại có tài sản không ban phát cho dân cùng, ổn định và củng cố tài lực của đất nước.

3. Không thể xa lìa sắc dục, các việc hưởng lạc. Không bỏ được lao ngục não phiền, để hành Sa-môn hạnh, tu thân dứt hết khổ nạn.

Cho nên Bồ-tát sinh làm vua trừ dứt ba việc này, tự sẽ được thành Phật.

Lại có ba việc:

1. Tuổi trẻ học hỏi, trông coi đất nước, giáo hóa nhân dân dạy họ hành theo Thập thiện.

2. Đem tiền của bố thí kẻ bần cùng, cô độc. Vua quan tướng sĩ cùng hưởng phước vui sướng với dân.

3. Thường xét nghĩ đến lẽ vô thường, mạng sống chẳng dài lâu, phải nên xuất gia tu hạnh Sa-môn, chấm dứt nguyên nhân đau khổ, không còn sinh tử.

Nếu ba việc này không làm được, sẽ không đạt được gì cả.

Kể đó, Đức Phật tự thuật:

–Đời trước Ta làm Chuyển luân thánh vương tên là Nam Vương Hoàng đế. Đồ thất bảo, cung điện, ao tắm, hành cung, ngự uyển, quần thần, phu nhân, thể nữ, voi ngựa, đầu bếp... mỗi thứ đều có tám muôn bốn ngàn. Vua có ngàn người con đều dũng mãnh tinh nhuệ, một địch nổi ngàn. Vua có thể bay trên hư không, du hành bốn phương muốn làm gì thì làm không ai ngăn nổi. Thánh vương thọ bốn mươi tám ngàn tuổi, lấy chánh pháp trị dân, không sử ai oan uổng. Một hôm, Thánh vương chợt nghĩ: “Mạng người vô thường, ngắn ngủi khó giữ. Ta phải tu phước để cầu đạo chân thật, thường bố thí cho dân chúng, đem tài sản của mình ra chia sẻ với mọi người. Sau khi gieo trồng phước đức rồi, phải xuất gia làm Sa-môn, dứt hẳn tham dục mới diệt được khổ.” Nghĩ xong, nhà vua ra lệnh người hầu chải tóc: “Nếu thấy tóc bạc hãy lập tức báo cho ta biết.” Mấy vạn năm sau, người hầu chải tóc báo rằng vua đã có tóc bạc. Vua ra lệnh nhổ lấy để trên bàn, rồi nhìn tóc bạc rơi lệ bảo rằng: “Sứ giả thứ nhất đã chợt nhớ đến rồi. Nay tóc ta đã bạc, phải nên xuất gia Sa-môn, cầu đạo vô vi.”

Vua để tóc trong lòng bàn tay, rồi tự nói kệ:

*Nay trên đầu của ta*

*Tóc bạc là bị trộm*

*Đã có Thiên sứ triệu*

*Đến lúc phải xuất gia.*

Thánh vương bèn triệu quần thần lập thái tử lên làm vua, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo. Sau khi mãn tuổi thọ, Thánh vương sinh lên cõi trời thứ hai làm thái tử con vua trời Đế Thích, còn vị Thánh vương thứ hai lên ngôi, cũng noi theo hạnh tiên vương, dặn người chải tóc hãy thấy tóc bạc liền báo. Thời gian lâu sau, được báo đã có tóc bạc, Thánh vương thứ hai sai nhổ để trên lòng bàn tay rồi cũng nói kệ:

*Nay trên đầu của ta*

*Tóc bạc là bị trộm*

*Đã có Thiên sứ triệu*

*Đến lúc phải xuất gia.*

Nói kệ xong, vua lại triệu tập quần thần lập thái tử lên vương vị, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo, mãn tuổi thọ lại sinh lên cõi trời làm Thiên đế Thích. Còn vị Thiên đế Thích trước hưởng hết tuổi thọ cõi trời sinh xuống nhân gian làm thái tử con vị Thánh vương thứ ba.

Như vậy ba vị Thánh vương thay đổi làm cha con nhau. Trên làm Đế Thích, dưới làm Thánh vương, giữa làm thái tử. Ba người sinh lên xuống ba mươi sáu lần như vậy suốt mấy ngàn vạn năm. Do nhờ luôn thực hành ba việc này nên rốt cuộc được thành Phật. Vua cha (vị *Thánh vương đầu tiên*) là Ta ngày nay, thái tử (vị *Thánh vương thứ hai*) là Xá-lợi-phất, cháu nội vua cha (vị *Thánh vương thứ ba*) là A-nan. Ba chúng ta nhiều đời thay đổi làm vua giáo hóa nhân dân, nên mới được đặc biệt tôn quý, không ai sánh bằng trong ba cõi.

Đức Phật nói xong, quốc vương, thái tử và con các vua nước nhỏ vô cùng hoan hỷ, lãnh thọ năm giới làm cư sĩ nam, đều đắc được quả Tu-đà-hoàn.

## M

### Phẩm 42: KIẾT TƯỜNG

#### Thí dụ 75:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ vì hàng trời, người, rồng, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, bên bờ sông Hằng phía Nam núi có một vị Bà-la-môn Ni-kiền. Ông ta là bậc trưởng lão kỳ cựu, học rộng hiểu nhiều, đắc được Ngũ thông, hiểu việc xưa nay. Ông chỉ dạy giáo hóa được năm trăm môn đồ. Họ đều thông đạt thiên văn, địa lý, nhân sự, không môn nào là không nghiên cứu thấu đáo. Các việc kiết hung họa phước, được mùa mất mùa, họ đều biết trước.

Các đệ tử của vị Bà-la-môn trước khi Phật giáo hóa đã biết tu tập, nên sẵn căn lành có thể độ được. Một hôm, họ đưa nhau đến bên bờ sông, tìm chỗ vắng ngồi bàn luận. Họ tự hỏi với nhau: “Dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?”. Họ không trả lời được, nên đến chỗ thầy làm lễ chấp tay thưa:

–Đệ tử chúng con học đạo đã lâu, đều được thành tựu. Song chưa biết dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

–Lành thay câu hỏi này! Trong cõi Diêm-phù có mười sáu nước lớn, tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, nước nào cũng có việc kiết tường, như là vàng bạc, lưu ly, pha lê, minh nguyệt thần châu, voi ngựa, xe cộ, ngọc nữ, san hô, kha bối, kỹ nhạc, phụng hoàng, khổng tước. Hoặc họ lấy nhật nguyệt tinh tú, bình báu, Bà-la-môn đạo sĩ là điềm báo kiết tường mà họ yêu thích. Nếu họ thấy được những việc trên sẽ hết lời khen ngợi, cho đây là điềm báo kiết tường của nước.

Các đệ tử hỏi:

–Lại có việc gì đặc biệt kiết tường hơn nữa không? Nó đối thân có ích, khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

–Từ các bậc Thầy trước truyền dạy lại không có việc này, sách vở cũng không thấy ghi chép.

Các đệ tử thưa:

–Gần đây nghe nói có người dòng họ Thích xuất gia tu đạo, tọa thiền sáu năm,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

hàng phục được ma quân, đạt thành quả Phật, đầy đủ ba minh vô ngại. Chúng ta thử đến hỏi xem sự hiểu biết của ông ta như thế nào, có bằng thầy không.

Kế đó, thầy trò hơn năm trăm người theo đường núi tìm đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, mọi người làm lễ rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Ni-kiền quỳ xuống chấp tay thuật lại mọi việc rồi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các nước đều có việc kiết tường như thế, không biết còn việc gì kiết tường hơn không?

Đức Phật bảo với các Bà-la-môn:

–Những điều ông bàn luận chỉ là việc thế gian. Thuận theo thì kiết tường, trái lại thì tai họa, không thể cứu độ tâm linh, chấm dứt khổ não. Pháp kiết tường mà ta biết, người thực hành theo sẽ được phước, ra khỏi hẳn ba cõi, an trú Niết-bàn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Phật tôn quý hơn trời*

*Như Lai thường diễn nghĩa*

*Có đạo sĩ Phạm chí*

*Hỏi sao là kiết tường?*

*Bấy giờ Phật từ mẫn*

*Nói yếu nghĩa chánh chân*

*Tin, vui theo chánh pháp*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Cũng không từ Thiên nhân*

*Mong xin điều không đáng*

*Không cầu đảo quỷ thần*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Chọn bạn hiền ở chung*

*Thường siêng làm phước đức*

*Thân trong sạch chân chánh*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Bỏ ác theo điều thiện*

*Tránh rượu, biết tiết chế*

*Không dâm với nữ sắc*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Học rộng, giữ giới nghiêm*

*Tinh tấn tu chánh pháp*

*Sửa mình, không tranh chấp*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Hiếu thảo thờ cha mẹ*

*Lo gia nghiệp, vợ con*

*Không để cho nghèo đói*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Không ngã mạn, tự đại*

*Tri túc, biết xét suy*

*Theo thời tụng tập kinh*

*Là tối thượng kiết tường.*

*Thường thích nghe học hỏi*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Ưu gặp bậc Sa-môn  
Nghe giảng liền thọ trì  
Là tối thượng kết tường.  
Trì trai tu phạm hạnh  
Thường thích gặp Hiền minh  
Nương tựa bậc Trí sáng  
Là tối thượng kết tường.  
Có đức tin, đạo đức  
Chánh tâm, không nghi nan  
Mong thoát ba ác đạo  
Là tối thượng kết tường.  
Tâm bình đẳng bố thí  
Phụng thờ bậc Đắc đạo  
Cung kính các Thiên nhân  
Là tối thượng kết tường.  
Thường muốn lìa tham dâm  
Sân si vừa khởi tâm  
Liền lấy đạo soi chiếu  
Là tối thượng kết tường.  
Lìa bỏ việc phi pháp  
Siêng năng tu đạo đức  
Thường thờ bậc đáng thờ  
Là tối thượng kết tường.  
Vì tất cả chúng sinh  
Gầy dựng đại Từ tâm  
Nhân ái giúp an ổn  
Là tối thượng kết tường.  
Người trí ở thế gian  
Luôn tập hạnh kết tường  
Tự thành tựu Tuệ giác  
Là tối thượng kết tường.

Thầy trò Bà-la-môn nghe Đức Phật nói kệ xong tự nhiên tỏ ngộ, sinh đại hoan hỷ, đến trước Đức Phật bạch:

–Bậc Vi Diệu Thế Tôn, ít thấy trên đời. Chúng con từ trước tới nay mê lầm, chưa thấy được nẻo sáng. Nguyện Đức Thế Tôn từ bi tế độ chúng con được quy y Tam bảo, xuất gia làm Sa-môn tu học theo Phật.

Đức Phật đáp:

–Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo!

Ngày đó, các vị ấy đều thành Sa-môn, tu quán số tức đều chứng quả A-la-hán. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhãn.

